

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt danh sách thí sinh dự thi  
nâng ngạch chuyên viên chính năm 2017**

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XII);

Căn cứ Luật cán bộ, công chức năm 2008; Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 13/2010/TT-BNV, ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức;

Căn cứ Kế hoạch số 99-KH/BTCTW ngày 30/8/2017; Hướng dẫn số 11-HD/BTCTW, ngày 20/10/2017 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội năm 2017;

Căn cứ Quy định số 335-QĐ/TU ngày 22/3/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ;

Xét đề nghị Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính và xét thăng hạng viên chức hạng II trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội,

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2017 gồm 51 thí sinh (danh sách kèm theo).

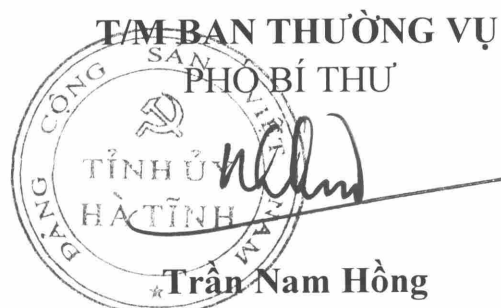
**Điều 2.** Giao Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính và xét thăng hạng viên chức hạng II phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thi nâng ngạch đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính và xét thăng hạng viên chức hạng II; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Lưu VP, BTCTU.





**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
*Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 12 năm 2017*

**DANH SÁCH**  
**THÍ SINH DỰ THI NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2017**  
*(Kèm theo Quyết định số 526-QĐ/TU, ngày 12/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

| TT | Họ và tên              | Năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Chức vụ, chức danh cơ quan, đơn vị công tác                       | Miễn thi ngoại ngữ | Ngoại ngữ đăng ký thi | Ghi chú |
|----|------------------------|----------|-----------|---------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|---------|
| 1  | Đào Xuân Tùng          | 1967     | Nam       | Kinh    | UVTV, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND thị trấn nghèn, huyện Can Lộc |                    | Tiếng Anh             |         |
| 2  | Trần Văn Nuôi          | 1966     | Nam       | Kinh    | HUV, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy Can Lộc                             |                    | Tiếng Anh             |         |
| 3  | Bùi Nguyễn Hà          | 1977     | Nam       | Kinh    | Phó Văn phòng Huyện ủy Can Lộc                                    |                    | Tiếng Anh             |         |
| 4  | Trần Danh Vinh         | 1972     | Nam       | Kinh    | UVBTV Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy Thị trấn Thạch Hà                  |                    | Tiếng Anh             |         |
| 5  | Phan Nhật Thành        | 1980     | Nam       | Kinh    | HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy Vũ Quang                            |                    | Tiếng Anh             |         |
| 6  | Lê Sỹ Nam              | 1982     | Nam       | Kinh    | HUV, Bí thư Huyện đoàn Vũ Quang                                   | Miễn               |                       |         |
| 7  | Nguyễn Thành Sơn       | 1983     | Nam       | Kinh    | Phó Bí thư Huyện đoàn Vũ Quang                                    | Miễn               |                       |         |
| 8  | Hoàng Thế Hùng         | 1974     | Nam       | Kinh    | Thị ủy viên, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy Hồng Lĩnh           | Miễn               |                       |         |
| 9  | Võ Xuân Trường         | 1976     | Nam       | Kinh    | Thị ủy viên, Phó Trưởng Ban Tổ chức Thị ủy Hồng Lĩnh              | Miễn               |                       |         |
| 10 | Đặng Ngọc Sơn          | 1978     | Nam       | Kinh    | Thị ủy viên, Chánh Văn phòng Thị ủy Hồng Lĩnh                     | Miễn               |                       |         |
| 11 | Trần Cao Thế           | 1977     | Nam       | Kinh    | HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy Hương Sơn                           |                    | Tiếng Anh             |         |
| 12 | Đinh Lương Hào         | 1981     | Nam       | Kinh    | HUV, Phó Trưởng ban Dân vận Huyện ủy Hương Sơn                    |                    | Tiếng Anh             |         |
| 13 | Phạm Trọng Giáp        | 1974     | Nam       | Kinh    | Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Hương Sơn                         |                    | Tiếng Anh             |         |
| 14 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 1982     | Nữ        | Kinh    | Thị ủy viên<br>Chánh Văn phòng Thị ủy Kỳ                          | Miễn               |                       |         |
| 15 | Hoàng Quốc Nhã         | 1980     | Nam       | Kinh    | UVBTV Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy Thị trấn Hương Khê                 |                    | Tiếng Anh             |         |
| 16 | Nguyễn Anh Tuấn        | 1976     | Nam       | Kinh    | HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy Huyện ủy Hương Khê                  | Miễn               |                       |         |

| TT | Họ và tên              | Năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Chức vụ, chức danh cơ quan, đơn vị công tác    | Miễn thi ngoại ngữ | Ngoại ngữ đăng ký thi | Ghi chú |
|----|------------------------|----------|-----------|---------|------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|---------|
| 17 | Hà Thị Việt Ánh        | 1980     | Nữ        | Kinh    | Phó Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh      | Miễn               |                       |         |
| 18 | Phan Đường             | 1970     | Nam       | Kinh    | Phó Chủ nhiệm UBKT Liên đoàn Lao động tỉnh     |                    | Tiếng Anh             |         |
| 19 | Nguyễn Thị Nhung Quyên | 1972     | Nữ        | Kinh    | Chủ tịch CĐN Giáo dục, Liên đoàn Lao động tỉnh |                    | Tiếng Anh             |         |
| 20 | Nguyễn Xuân Long       | 1974     | Nam       | Kinh    | Chủ tịch LĐLĐ Thành Phố Hà Tĩnh                |                    | Tiếng Anh             |         |
| 21 | Nguyễn Duy Ninh        | 1974     | Nam       | Kinh    | Phó Ban CS-PL LĐLĐ tỉnh                        |                    | Tiếng Anh             |         |
| 22 | Trần Hậu Hùng          | 1978     | Nam       | Kinh    | Chủ tịch CĐN Xây dựng, Liên đoàn Lao động tỉnh | Miễn               |                       |         |
| 23 | Phạm Viết Công         | 1965     | Nam       | Kinh    | UVBCH LĐLĐ tỉnh, Chủ tịch LĐLĐ huyện Cẩm Xuyên |                    | Tiếng Anh             |         |
| 24 | Hoàng Sỹ Vinh          | 1977     |           | Kinh    | HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy Nghi Xuân        | Miễn               |                       |         |
| 25 | Lê Tiến Hải            | 1970     |           | Kinh    | HUV, Chủ tịch UBMTTQ huyện Nghi Xuân           |                    | Tiếng Anh             |         |
| 26 | Nguyễn Trọng Đường     | 1979     |           | Kinh    | Phó trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nghi Xuân   | Miễn               |                       |         |
| 27 | Phạm Văn Đan           | 1980     | Nam       | Kinh    | Quyền Chánh Văn phòng Huyện ủy Cẩm Xuyên       |                    | Tiếng Anh             |         |
| 28 | Trần Thị Trà Giang     | 1976     | Nữ        | Kinh    | Phó Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Tĩnh     |                    | Tiếng Anh             |         |
| 29 | Lê Văn Học             | 1976     | Nam       | Kinh    | Phó Trưởng ban Dân vận Thành ủy Hà Tĩnh        | Miễn               |                       |         |
| 30 | Nguyễn Duy Ngân        | 1982     | Nam       | Kinh    | ThUV, Bí thư Thành Đoàn Hà Tĩnh                | Miễn               |                       |         |
| 31 | Lê Thị Bích Hằng       | 1977     | Nữ        | Kinh    | Phó Chủ tịch Hội Nông dân thành phố Hà Tĩnh    |                    | Tiếng Anh             |         |
| 32 | Trần Quốc Đạt          | 1982     | Nam       | Kinh    | UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy          | Miễn               |                       |         |
| 33 | Võ Thị Hoa             | 1980     | Nữ        | Kinh    | Phó Chủ tịch Hội LHPN thành phố Hà Tĩnh        |                    | Tiếng Anh             |         |
| 34 | Hoàng Trọng Lý         | 1978     | Nam       | Kinh    | HUV, Bí thư Đảng ủy xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh    | Miễn               |                       |         |
| 35 | Nguyễn Thị Hồng Minh   | 1980     | Nữ        | Kinh    | Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Kỳ Anh         |                    | Tiếng Anh             |         |

| TT | Họ và tên            | Năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Chức vụ, chức danh cơ quan, đơn vị công tác                              | Miễn thi ngoại ngữ | Ngoại ngữ đăng ký thi | Ghi chú |
|----|----------------------|----------|-----------|---------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|---------|
| 36 | Nguyễn Anh Phong     | 1981     | Nam       | Kinh    | HUV, Phó Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy Kỳ Anh                              | Miễn               |                       |         |
| 37 | Bùi Trọng Sao        | 1963     | Nam       | Kinh    | HUV, Phó trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Lộc Hà                              |                    | Tiếng Anh             |         |
| 38 | Đặng Thị Tuyết Trinh | 1980     | Nữ        | Kinh    | Trưởng phòng Đoàn thể và các hội, Ban Dân vận Tỉnh ủy                    |                    | Tiếng Anh             |         |
| 39 | Trần Hữu Đức         | 1973     | Nam       | Kinh    | UVBTV, Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội, Hội Nông dân tỉnh                    |                    | Tiếng Anh             |         |
| 40 | Nguyễn Công Hải      | 1967     | Nam       | Kinh    | HUV, Phó Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy Đức Thọ                             |                    | Tiếng Anh             |         |
| 41 | Bùi Lê Văn           | 1978     | Nam       | Kinh    | UVBTV Huyện ủy, CT UBMTTQ huyện Đức Thọ                                  |                    | Tiếng Anh             |         |
| 42 | Dương Kim Thạch      | 1977     | Nam       | Kinh    | Phó Chánh Văn phòng Ban Tổ chức Tỉnh ủy                                  | Miễn               |                       |         |
| 43 | Trần Ngọc Hùng       | 1972     | Nam       | Kinh    | Chuyên viên phòng Đào tạo và Chính sách cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy      | Miễn               |                       |         |
| 44 | Lê Thị Thu Lan       | 1981     | Nữ        | Kinh    | Phó Trưởng phòng Tổ chức-cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy                     | Miễn               |                       |         |
| 45 | Hoàng Văn Biếu       | 1964     | Nam       | Kinh    | Phó Trưởng phòng, Ban Nội Chính Tỉnh ủy                                  |                    | Tiếng Anh             |         |
| 46 | Hoàng Anh Đức        | 1978     | Nam       | Kinh    | Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Phong trào Ủy ban MTTQ tỉnh              |                    | Tiếng Anh             |         |
| 47 | Hoàng Văn Thanh      | 1978     | Nam       | Kinh    | Quyền GD Trung tâm Thông tin công tác Tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | Miễn               |                       |         |
| 48 | Trần Thị Thường      | 1970     | Nữ        | Kinh    | Phó Chánh Văn phòng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy                              |                    | Tiếng Anh             |         |
| 49 | Trần Bảo Ngọc        | 1984     | Nam       | Kinh    | UVBTV, Trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn                           | Miễn               |                       |         |
| 50 | Dương Thị Dung       | 1979     | Nữ        | Kinh    | UVBCH, Phó trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn                       |                    | Tiếng Anh             |         |
| 51 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 1974     | Nữ        | Kinh    | Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh đoàn                                             |                    | Tiếng Anh             |         |

Danh sách này gồm 51 người